

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 7 - 2017

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đình Phùng

2. Bà Đặng Thị Đôi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13^A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1941

Địa chỉ: Số 82 mới (191 cũ) đường B, phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Ngô Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị H chung sống trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán Việt Nam vào năm 1963. Do hiểu biết pháp luật kém nên ông không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 1982 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông và bà H bất đồng với nhau về lối sống, quan điểm sống. Bà H không thông cảm với tính chất công việc của ông và nghi ngờ ông không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Thực tế ông và bà Hiền đã sống ly thân nhau được hơn 30 năm. Nay bản thân ông xác định không còn tình cảm với bà H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 16/02/1975; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 28/6/1977 và Nguyễn Thị T3, sinh ngày 24/9/1981. Do các con ông đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Ông và bà H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bà Hoàng Thị H, thể hiện về thời điểm và hoàn cảnh lấy nhau giữa bà và ông là phù hợp với lời khai của ông T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Thủy có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với bà. Khi bà vào miền Nam sinh sống cùng ông T nhưng ông không tôn trọng bà hay chì chiết bà vô cớ. Những lúc bà ốm đau ông T bỏ mặc không chăm sóc vì thế, bà đã dẫn con bỏ về xã K, huyện K ở từ năm 1982 đến nay và sống ly thân với ông T. Nay ông T xin ly hôn bà, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn, giải phóng cho ông T và để bà ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới. Về con chung bà và ông T có 03 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 16/02/1975; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 28/6/1977 và Nguyễn Thị T3, sinh ngày 24/9/1981. Do các con bà đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ bà khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2017 (phiên tòa hồi 08 giờ ngày 12/7/2017) cho bà H, bà H đã biết thông tin nhưng không tham gia phiên tòa (vắng mặt lần thứ nhất không có lý do), Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 13^A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2017 và ấn định phiên tòa mở vào hồi 08 giờ ngày 19/7/2017, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Hoàng Thị H theo quy định của pháp luật. Như vậy bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy: Ông Nguyễn Đức và bà Hoàng Thị H mâu thuẫn của hai vợ chồng đã trầm trọng, yêu cầu của ông T phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử chấp nhận cho ông Nguyễn Đức T và bà Hoàng Thị H được ly hôn; về con chung ông T và bà H có 03 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 16/02/1975; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 28/6/1977 và Nguyễn Thị T3, sinh ngày 24/9/1981. Do các con của ông bà đều đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ ông T và bà H cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Hoàng Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1963, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán Việt Nam nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; mục 3 Thông tư liên tịch số

01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T và bà H bất đồng với nhau về lối sống, quan điểm sống. Ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không chung thủy với bà H. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 1982 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay ông T có đơn xin ly hôn, bà H đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Đức T được ly hôn bà Hoàng Thị H.

[3] Về con chung: Ông T và bà H có 03 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 16/02/1975; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 28/6/1977 và Nguyễn Thị T3, sinh ngày 24/9/1981. Các con ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Ông T và bà H đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức T và bà Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Hoàng Thị H.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA.0006035 ngày 04/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Đức T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Giang